

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2025/HNGĐ-ST
Ngày 09 tháng 4 năm 2025
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và Gia
đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Giang Thanh

Ông Đặng Võ Luyện.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Kim Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 183/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2024 về Tranh chấp Hôn nhân và gia đình. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2025/QĐXX-ST ngày 11 tháng 03 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1993

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn A, xã A1, huyện Th, tỉnh Thái Bình. Địa chỉ hiện nay: Thôn M, xã D, huyện Th, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: Anh D1, sinh năm 1993

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn A, xã A1, huyện Th, tỉnh Thái Bình.

(Chị H và anh D1 đều có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 25 tháng 7 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày và có yêu cầu như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh D1 kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A1 (trước là xã Th1), huyện Th, tỉnh Thái Bình ngày 13/12/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do anh D1 chơi bời nợ nần, dẫn đến vợ chồng cãi vã. Rất nhiều lần vợ chồng đã cùng nhau tìm cách giải quyết, anh D1 hứa sẽ thay đổi nhưng qua thời gian anh D1 càng nợ nhiều hơn nên mâu thuẫn vợ chồng không giải quyết được. Chị và anh D1 sống chung nhà nhưng anh D1 tính cách gia trưởng thường cấm đoán, đánh đập, đe dọa, nhục mạ chị và hay ghen tuông nên tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh D1.

Về con chung: Chị và anh D1 có hai con chung là Lê Nhật H, sinh ngày 01/11/2012 và Lê Thị B, sinh ngày 12/03/2018. Ly hôn chị có nguyện vọng mỗi người nuôi một con, anh D1 nuôi con Lê Nhật H, chị có nguyện vọng nuôi con Lê Thị B, không ai phải cấp dưỡng cho con. Chị có việc làm, thu nhập ổn định và có chỗ ở đảm bảo việc nuôi con.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về khoản nợ Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Th chị đã trả xong, các khoản nợ khác mà anh D1 trình bày là các khoản tiền chi tiêu sinh hoạt do mẹ chồng chị đưa trong quá trình chung sống cùng nhà chồng, ngoài ra còn có khoản tiền 20 triệu vay chị gái anh D1 để trả nợ mua xe máy cho anh D1, xe này anh D1 đi đến nay chị cũng không biết xe ở đâu, nên chị xác định đây là nợ mà anh D1 phải trả. Ngoài ra chị còn nợ của bố mẹ đẻ chị 100.000.000 đồng nhưng chị xác định đây là nợ riêng của chị, chị sẽ có trách nhiệm trả cho bố mẹ nên chị nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh D1 trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn như chị H trình bày. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do chị H không chung thủy nên dẫn đến vợ chồng sống ly thân. Nay chị H xin ly hôn, ban đầu anh không đồng ý ly hôn với chị H nếu chị H muốn tranh giành quyền nuôi con với anh, ngoài ra chị H còn có một số khoản nợ mẹ đẻ anh và chị gái anh, chị H vay làm gì anh không biết. Anh yêu cầu Tòa án giải quyết xác định đây là nợ riêng của chị H, chị H phải có trách nhiệm trả cho mẹ anh và chị gái anh xong nợ anh mới đồng ý ly hôn với chị H. Về khoản nợ 100.000.000 đồng mà chị H khai vay của bố mẹ chị H là khoản nợ riêng của chị H, vay làm gì anh không biết, nên chị H phải có trách nhiệm trả do không liên quan đến anh.

Về con chung: Anh và chị có hai con chung như chị H trình bày. Ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi cả hai con, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con, khi chị H làm đơn ly hôn anh đang lao động ở nước ngoài nhưng hiện anh đã về Việt Nam và đang đi làm theo các công trình, anh có thu nhập và chỗ ở đảm bảo nuôi con.

Tại phiên toà, anh D1 đồng ý ly hôn với chị H và không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng.

* *Xác minh tại gia đình anh D1, bà Phạm Thị X là mẹ đẻ của anh D1 trình bày:* Anh D1 và chị Nguyễn Thị H kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thụy An (nay là A1), huyện Th, tỉnh Thái Bình. Hiện anh D1 đang đi lao động ở Singapore, địa chỉ cụ thể bà không nắm được. Chị Nguyễn Thị H hiện đang ở cùng bố mẹ đẻ tại xã D, huyện Th, tỉnh Thái Bình. Chị H đã về ở với bố mẹ đẻ từ khoảng tháng 7/2024. Trước khi ly thân thì hai anh chị có mâu thuẫn xô xát, nguyên nhân là chị H có quan hệ ngoài luồng với người khác.

Anh chị có hai con chung như chị H trình bày. Từ ngày chị H bỏ đi, chị H không quan tâm đến các con, không gửi tiền về nuôi dưỡng các con.

Về tài sản: Anh chị có tài sản chung hay nợ những ai bà không biết. Anh chị có vay nợ 70.000.000 đồng tại Ngân hàng chính sách huyện Th để làm gì bà không biết. Năm 2018 bà có đưa cho chị H 25.000.000 đồng để chị H mua bảo hiểm nhân thọ nhưng bà không có yêu cầu gì.

Nay chị H xin ly hôn anh D1, do anh D1 không có mặt ở địa phương nhưng có nói lại với bà ý kiến của anh D1 là không đồng ý ly hôn nếu chị H không để anh nuôi hai con. Hiện giờ anh D1 ở nước ngoài nên bà không tự quyết định được, khi nào anh D1 về sẽ tự giải quyết. Về phía gia đình, bà mong hai con đoàn tụ nhưng nếu không được, mong Tòa giải quyết theo đúng pháp luật.

Nguyên vọng của cháu Lê Nhật H và cháu Lê Thị B đều là con ruột anh D1 Chị H muốn ở với bố D1 khi bố mẹ ly hôn.

* *Xác minh tại Thôn A, xã A1, Thôn trưởng cung cấp:* Chị H và anh D1 kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại chính quyền xã Th1 (nay là A1) ngày 13/12/2012, cả hai anh chị đều đăng ký thường trú tại địa phương. Hiện tại anh D1 đi lao động tại nước ngoài (anh D1 đi lao động tại Singapore) không có mặt tại địa phương, địa chỉ cụ thể của anh D1 như thế nào địa phương không nắm được. Chị H cũng không có mặt tại địa phương mà đã về nhà bố mẹ đẻ, sống ly thân với anh D1. Nguyên nhân anh chị sống ly thân địa phương không có thông tin. Anh chị có hai con chung như chị H và gia đình anh D1 trình bày, hiện cả hai cháu đang ở cùng ông bà nội. Chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ trước khi anh D1 đi lao động ở nước ngoài. Lý do anh chị ly thân địa phương không nắm được. Anh chị có tài sản chung hay nợ cá nhân nào thì địa phương cũng không có thông tin. Tuy nhiên, anh chị có nợ Ngân hàng chính sách 70.000.000 đồng, cụ thể là vay theo chương trình nước sạch vệ sinh môi trường 20.000.000 đồng, hạn cuối trả nợ là ngày 18/02/2027, vay hộ mới thoát nghèo 50.000.000 đồng cũng chưa đến hạn trả. Các khoản nợ là do chị H đứng tên, anh D1 ủy quyền cho chị H vay. Nay Chị H và anh D1 ly hôn, đề nghị Tòa giải quyết theo đúng pháp luật và giải quyết khoản nợ của Ngân hàng chính sách vì anh chị vay thông qua địa phương.

**Xác minh tại chính quyền địa phương, UBND xã A1, huyện Th, tỉnh Thái thể hiện:* Địa phương không rõ lý do mâu thuẫn dẫn đến chị H yêu cầu giải

quyết ly hôn anh D1 nhưng tình trạng hiện nay thì chị H và anh D1 không cùng chung sống tại địa phương, chị H cũng không ở cùng gia đình anh D1. Về con chung: Anh D1 và chị H có hai con chung là cháu Lê Nhật H, sinh ngày 01/11/2012 và Lê Thị B, sinh ngày 12/3/2018, hai con chung đều khai sinh tại Ủy ban nhân dân xã Th1 (nay là xã A1), huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. Chị Nguyễn Thị H và anh D1 đều có đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung. Đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết vụ án. Về khoản vay thông qua chính quyền địa phương như Thôn trưởng đã trình bày. Đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh chị phải trả hết tiền vay cho Ngân hàng Chính sách trước khi ly hôn vì đây là gói vay của địa phương.

* Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Th có văn bản trả lời, xác định chị H anh D1 có khoản nợ như trên nhưng đã tất toán nên đến nay không còn nợ Ngân hàng Chính sách nữa, do vậy Ngân hàng không có yêu cầu gì.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm Phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đều tuân thủ theo quy định của pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55; 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh D1, giao mỗi người nuôi một con, không ai phải cấp dưỡng cho con. Chị H và anh D1 phải nộp án phí công nhận thuận tình ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn sinh sống và làm việc tại nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình theo khoản 3 Điều 35, Điều 37, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy:

[3.1] Về hôn nhân: Chị H kết hôn tự nguyện, khi kết hôn không vi phạm điều kiện cấm kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A1 (trước là Th1), huyện Th, tỉnh Thái Bình ngày 13/12/2012, hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn hai anh chị trình bày không thống nhất nhưng thực tế anh chị đã sống ly thân và việc chị H có mối quan hệ bên ngoài là có thật, chị H cũng thừa nhận việc này. Do xác định vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị H xin ly hôn anh D1. Anh D1 không đồng ý ly hôn với lý do hai bên chưa giải quyết dứt điểm vấn đề nợ chung của vợ chồng và anh không đồng ý vì chị H muốn giành quyền nuôi con. Tại phiên tòa anh D1 cũng xác định không còn tình cảm với chị H nữa nên đồng ý ly hôn với chị H. Xét mâu thuẫn giữa anh chị là có thật, khó có thể hàn gắn, đời sống chung trên thực tế không còn tồn tại, tại phiên tòa anh chị thuận tình ly hôn nên căn cứ Điều 55

Luật Hôn nhân và Gia đình, công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh D1.

[3.2] Về con chung: Chị H và anh D1 có hai con chung là Lê Nhật H, sinh ngày 01/11/2012 và Lê Thị B, sinh ngày 12/03/2018. Ly hôn chị có Hoà nguyện vọng nuôi con Lê Thị B, anh D1 có nguyện vọng nuôi cả hai con, hai con có nguyện vọng ở với bố. Cả hai anh chị đều có việc làm và thu nhập đủ điều kiện nuôi con. Tuy nhiên, xét hiện anh D1 đang lao động theo công trình, nay đây mai đó, chị H ở có chỗ làm cố định tại địa phương nên có điều kiện trực tiếp chăm sóc con. Mặt khác nguyện vọng của con chung không phải điều kiện duy nhất để xác định quyền nuôi con, nên giao cho mỗi người nuôi một con, anh D1 nuôi con Lê Nhật H là phù hợp với nguyện vọng của anh và con Hoàng, giao cho chị Nguyễn Thị H nuôi con Lê Thị B là đảm bảo quyền của phụ nữ, trẻ em và phù hợp với hoàn cảnh của anh chị. Không ai phải cấp dưỡng cho con.

[3.3] Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu giải quyết, anh D1 có trình bày về việc vợ chồng có nợ chung, Tòa án đã giải thích về việc người có yêu cầu phải làm đơn đề nghị Toà án giải quyết và cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ. Toà án cũng đã yêu cầu anh D1 cung cấp thông tin về các khoản nợ, họ tên, địa chỉ những người cho vợ chồng vay nợ nhưng hết thời hạn cung cấp tài liệu chứng cứ anh D1 vẫn không cung cấp cho Toà án và không có đơn yêu cầu Toà án giải quyết, vì vậy Tòa án không có căn cứ để giải quyết việc phân chia tài sản chung, nợ chung của vợ chồng anh chị trong vụ án này. Anh chị có quyền khởi kiện chia tài sản chung, nợ chung vợ chồng bằng vụ án khác khi cần.

[4] Chị H tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 55; Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự ; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh D1.

2. Về con chung: Giao con Lê Nhật H, sinh ngày 01/11/2012 cho anh D1 trực tiếp nuôi dưỡng, giao con Lê Thị B, sinh ngày 12/3/2018, cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh D1, chị H có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được ở với người trực tiếp nuôi dưỡng, có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Anh D1, chị H có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng cho con khi cần.

3. Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H tự nguyện nộp cả 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0004272 ngày 01 tháng 10 năm 2024 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Th, tỉnh Thái Bình, sang thi hành án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H, anh D1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (09/4/2025).

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- UBND xã A1 (Số ĐK: 34 ngày 13/12/2012 Th1);
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Hiền

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- UBND xã //
- Cục THA tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Hiền

